

Bản án số: 24/2020/DS-ST

Ngày: 03 - 6 - 2020

V/v “*Tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Kiên Nhân

2. Ông Trần Văn Bé Hai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Thành – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 5 và ngày 03 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2015/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2015 về “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2020/QĐXXST-DS ngày 20/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2020/QĐST – DS ngày 11/5/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn D, sinh năm 1962 – có mặt

Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1950 – có mặt

Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1931 – vắng mặt

Nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L là: ông Nguyễn Tấn D, sinh năm 1962; nơi cư trú: ấp T, xã H, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 05/12/2018) – có mặt

2. Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1943 – vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tấn H là chị Nguyễn Thị Như T, sinh năm 1975 (Văn bản ủy quyền ngày 02/3/2020) – vắng mặt

Cùng nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

3. Bà Nguyễn Thị Ánh H, sinh năm 1953 – có mặt

Nơi cư trú: ấp B, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952 – vắng mặt

5. Chị Nguyễn Kim H1, sinh năm 1971 – vắng mặt

6. Anh Nguyễn Văn H2, sinh năm 1974 – vắng mặt

7. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1976 – vắng mặt

9. Chị Nguyễn Tổ M, sinh năm 1980 – vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Tổ M và chị Nguyễn Kim H1 là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1952 (Văn bản ủy quyền ngày 08/6/2016 và ngày 06/7/2018) – vắng mặt

Cùng nơi cư trú: ấp N, xã H, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

10. Bà Nguyễn Thị Thu H3, sinh năm 1965 – có mặt

Nơi cư trú: Ấp b, xã H, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

11. Bà Huỳnh Thị X, sinh năm 1950 – có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị X là ông Nguyễn Trung N, sinh năm 1950; nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 15/12/2015) – có mặt

12. Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1979 – vắng mặt

13. Chị Nguyễn Kim N, sinh năm 1984 – vắng mặt

14. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1974 – vắng mặt

Cùng nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các đồng thừa kế thống nhất trình bày: cụ ông Nguyễn Văn H chết năm 1968 và cụ bà Nguyễn Thị Đ chết năm 2008 có 07 người con gồm các ông, bà: Nguyễn Tấn D, Nguyễn Trung N, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Tấn H, Nguyễn Hồng M, sinh năm 1950, chết năm 2011, Nguyễn Thị Ánh H. Và khi cụ H, cụ Diệp chết để lại di sản khoảng 45 công đất vườn, ruộng và đã chia cho các anh chị em được hưởng như sau:

- Ông Nguyễn Tấn H hưởng: Thửa 180, diện tích 4.750m², loại đất hai lúa; thửa 419, diện tích 1.340m², loại đất hai lúa; thửa 420, diện tích 540m², loại đất CDK; thửa 427, diện tích 1.250m², loại đất thổ quả; các thửa đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long; thửa 683A, diện tích 1.200m², loại đất hai lúa; thửa 683B, diện tích 100m², loại đất hai lúa; thửa 687, diện tích 2.990m², loại đất HG; các thửa đất tọa lạc tại ấp T, xã Tân Long Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long; thửa 54, diện tích 1.030m², loại đất LUC; thửa 55, diện tích 3.020m², loại đất ONT – LNQ, các thửa đất tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Ông M hưởng: Thửa 176, diện tích 2.090m², loại đất hai lúa, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Ông N hưởng: Thửa 602, diện tích 5.430m², loại đất hai lúa; thửa 603, diện tích 2.280m², loại đất LNQ; đất tọa lạc tại Ấp 3, xã Hòa Thạnh, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Bà Ánh H hưởng: Thửa 671A, diện tích 1.080m², loại đất hai lúa; thửa 671B, diện tích 280m², đất hai lúa; thửa 673, diện tích 440m², loại đất màu; thửa 675, diện tích 700m², loại đất hai lúa, các thửa đất tọa lạc tại ấp Thanh Phong, xã Tân Long Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Ông D hưởng: Thửa 674, diện tích 1700m², loại đất hai lúa, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Bà H hưởng: Thửa 666, diện tích 2.960m², loại đất hai lúa, đất tọa lạc tại ấp Thanh Phong, xã Tân Long Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Riêng bà Nguyễn Ngọc L chưa được hưởng.

Khi cụ H và cụ Đ chết không có để lại di chúc và không có nghĩa vụ tài sản của người chết để lại. Bà H là con gái út sống với cụ Đ từ nhỏ nên quản lý căn nhà thờ từ năm 2002 đến nay. Năm 2002, cụ Diệp bệnh nên ông H rước về sống chung với gia đình ông H từ lúc bệnh cho đến lúc chết năm 2008.

Di sản của cụ Đ còn lại chưa chia là phần đất thừa số 586, diện tích 8.900m², loại đất ONT-VNQ, tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long do cụ Đ và ông N đăng ký sổ bộ địa chính.

Nguồn gốc thừa đất 586 là của cụ H và cụ Đ mua và quản lý, sử dụng đến chết. Ông N quản lý, sử dụng một phần; bà H quản lý, sử dụng một phần, trên đất có 01 căn nhà thờ, 01 căn nhà của bà H đang ở, 01 căn nhà của ông N và một số cây trồng.

- Nguyên đơn ông D yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất thừa 586 làm 08 phần bằng nhau, 01 phần để thờ cúng, 07 phần chia đều cho các anh chị em, mỗi người hưởng khoảng 1.112,5m²; ông D yêu cầu hưởng 02 phần (01 phần để thờ cúng) là 2.225m².

- Bị đơn là N trình bày:

Khi cụ H và cụ Đ chết không có để lại di chúc, không ai trực tiếp quản lý căn nhà thờ. Năm 2002, cụ Đ bệnh nên về sống với ông H từ lúc bệnh cho đến lúc chết vào năm 2008.

Nguồn gốc thừa đất 586 là của cụ H và cụ Đ mua và quản lý, sử dụng đến chết; trong diện tích 8.900m², ông N quản lý sử dụng là khoảng 2.880,3m², phần còn lại của cụ Đ là khoảng 5.880m².

Ông N được cho đất cất nhà ở tại thừa 586 vào năm 1975 và trực tiếp quản lý cho đến nay. Hiện nay ông N chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1976 cụ Đ và ông N kê khai quyền sử dụng đất. Đến năm 1991, cụ Đ chỉ ranh sai và bất hòa trong các anh chị em nên ông N không được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay.

Ông N yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất tại tách thừa 586, diện tích 2754,7 m², thửa mới 167, tờ bản đồ mới số 17, mục đích sử dụng: Đất ONT + CLN theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 05/02/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tam Bình, đất tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long cho ông N được đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần còn lại diện tích khoảng 5.880m² thì ông N đồng ý chia thừa kế cho mỗi anh chị em người hưởng 01 phần.

Đối với yêu cầu của ông D yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật thừa 586 làm 08 phần bằng nhau, 01 phần là thờ cúng, 07 phần chia đều cho các anh chị em, mỗi người hưởng khoảng 1.112,5m² thì ông N không đồng ý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

1. Bà H trình bày: Khi cụ Đ còn sống có kêu bà H viết di chúc nhưng không hoàn thành do các anh chị em không hòa thuận nhau.

Nguồn gốc thửa đất 586 là cụ H và cụ Đ mua và quản lý, sử dụng đến chết; trong diện tích 8.900m^2 , quyền sử dụng của ông N là $2.880,3\text{m}^2$ là mẹ cho miệng chưa có giấy tờ, phần còn lại của cụ Đ là 5.880m^2 .

Nay bà H yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất thừa số 586 làm 08 phần bằng nhau, 01 phần để thờ cúng giao cho ông Đ hưởng, 07 phần chia đều cho các anh chị em, mỗi người được hưởng khoảng $1.112,5\text{m}^2$; bà H yêu cầu hưởng diện tích $1.112,5\text{m}^2$.

2. Bà L trình bày: Di sản khi cụ H và cụ Đ chết để lại bao nhiêu, cho các anh chị em bao nhiêu, có di chúc hay không thì bà L không biết.

Nay thửa 586 bà L yêu cầu chia 08 phần bằng nhau, 01 phần để thờ cúng giao cho ông Đ quản lý, anh chị em còn lại mỗi người hưởng 01 phần. Bà L nhận 01 phần với diện tích $1.112,5\text{m}^2$.

3. Ông Nguyễn Tấn H trình bày: Di sản khi cụ H và cụ Đ chết để lại bao nhiêu ông H không nắm rõ. Khi còn sống, cụ Đ đã cho anh chị em, hiện nay đã được đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xong.

Khi cụ Đ chết có để lại chúc ngôn và ủy quyền nhưng chưa xác nhận của chính quyền địa phương. Theo chúc ngôn thì ông H được hưởng phần thừa kế. Cụ Đ đã chỉ ranh các phần đất mà các anh chị em được hưởng. Thửa đất số 586 chia cho ông N theo ông N trình bày là cụ Đ cho miệng, không giấy tờ, cho khoảng 3 công nhưng ông N đòi thêm nên phát sinh tranh chấp. Thửa 586 cụ H và cụ Đ mua là 12.000m^2 , bán cho cô thứ 8 là bà Nguyễn Thị C khoảng 3 công; ông Đỗ Văn Đ lấn ranh hết 01 cái ao nên không biết diện tích còn lại của thửa 586 là bao nhiêu. Ông Đ lấn qua thửa 586 chiều ngang khoảng 4m, chiều dài khoảng 100m^2 .

Thửa đất số 586 ông H yêu cầu: Ông N hưởng khoảng diện tích $2.880,3\text{m}^2$; bà H hưởng khoảng diện tích 1.500m^2 ; còn lại là của ông H theo ý kiến của cụ Đ lúc còn sống. Ông H hưởng khoảng diện tích $4.519,7\text{m}^2$.

Khi cụ Đ tuổi già ông H nuôi cụ Đ chi phí 200.000.000 đồng; nếu ông H hưởng $4.519,7\text{m}^2$ thì tiền chi phí này ông Hưng chịu. Nếu giải quyết chia đất tại thửa 586 làm 08 phần thì nợ 200.000.000 đồng chia làm 08, mỗi đồng thừa kế phải trả lại ông H 25.000.000 đồng.

4. Bà H, chị H, anh H, chị N và chị M thống nhất trình bày: Bà và các con là người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ tổ tụng của ông Mậu, di sản của cụ H và cụ Đ chết để lại bao nhiêu, cho các anh chị em bao nhiêu, có di chúc hay không thì bà H không biết.

Thửa đất 586 bà H yêu cầu chia 08 phần, 01 phần để thờ cúng giao cho ông Đ hưởng, anh chị em còn lại mỗi người hưởng 01 phần. Bà H và các con là chị H,

anh H, chị N và chị M nhận 01 phần của ông M được hưởng thừa kế của cụ Đ với diện tích là 1.112,5m².

5. Bà Ánh H trình bày: Di sản khi cụ H và cụ Đ chết để lại bao nhiêu, cho các anh chị em bao nhiêu, có di chúc hay không thì bà Ánh H không biết.

Thửa 586 bà Ánh H yêu cầu để ông N hưởng 2.880,3m²; còn lại 5.880m² chia làm 08 phần, 01 phần thờ cúng để ông D hưởng, còn lại chia làm 07 phần. Bà Ánh H hưởng 01 phần diện tích 735m².

6. Bà X, chị T, chị N và anh T thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông N. Ngoài ra bà X, chị T, chị N và anh T không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

- Ý kiến của vị Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình trình bày:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện việc xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, đưa người tham gia tố tụng trong vụ án đầy đủ và thu thập tài liệu chứng cứ đúng theo quy định tại các Điều 26, 93, 94, 95 và 96 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc đưa vụ án ra xét xử chưa đảm bảo thời gian theo quy định Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định tại các điều 239, 243, 244, 247, 248, 249 và 254 Bộ luật Tố tụng dân về việc xét xử sơ thẩm vụ án, thủ tục khai mạc phiên tòa, tranh tụng tại phiên tòa, công bố các tài liệu, chứng cứ của vụ án tại phiên tòa. Thư ký phiên tòa đã thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Cụ H chết năm 1968, do đó thời hiệu chia thừa kế đối với phần di sản của cụ H không còn theo quy tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Cụ Đ chết năm 2008 nên thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đối với phần di sản của cụ Diệp là còn thời hiệu theo quy tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn là ông D rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa đất 586, diện tích 8900 m², đất tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông D và đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu mà ông D đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa có mặt bà H, bà Ánh H và bà L có ông D là người đại diện theo ủy quyền của bà L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đều có yêu cầu rút toàn bộ yêu cầu độc lập về việc yêu cầu được hưởng thừa kế mỗi người là 112.5 m², tại tách thửa đất 586, trong diện tích 8900 m². Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của họ và đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu mà họ đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt ông H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đã được Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng, chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản hợp lệ mà không nộp theo Thông báo của Tòa án về yêu cầu của mình được hưởng là 4.519,7m², tại tách thửa 586. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần yêu cầu độc lập của H theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng bà H, chị H, anh H, chị N và chị M. Trong quá trình giải quyết vụ án bà H, chị H, anh H, chị N và chị M đã được Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí và tiền tạm ứng chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản hợp lệ mà không nộp tiền theo Thông báo của Tòa án về yêu cầu của mình được hưởng là 1.112,5 m², tại tách thửa 586 (Bà H được miễn tiền tạm ứng án phí và có đơn đề nghị miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật). Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần yêu cầu độc lập của họ theo quy định tại điểm c và đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu của ông H yêu cầu ông D, bà L, bà H, bà Ánh H và bà H, chị H, anh H, chị N, M (vợ con ông M) mỗi được hưởng 1.112,5 m² thì phải trả cho ông H là 25.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra ông H nại ra rằng thửa 586 tranh chấp ranh với ông Được, nhưng ông H không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh có tranh chấp với ông Đ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc tranh chấp ranh đất tại thửa 586.

Đối với phần yêu cầu phản tố của ông N về việc ông yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất tại tách thửa 586 (thửa mới 167), diện tích 2754,7 m², tờ bản đồ số 17 (tờ bản đồ mới) theo trích đo bản đồ 05/02/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai và Phòng TNMT huyện Tam Bình, đất tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản: Ghi nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản đối với phần đất mà ông N yêu cầu công nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự và sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng của ông D về việc yêu cầu bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chia thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa 586, đất tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh là tranh chấp quyền sử dụng đất được quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; đối tượng tranh chấp là bất động sản tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án có tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ nên vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Về yêu cầu khởi kiện:*

Tại phiên tòa ông D rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa đất 586, diện tích 8900 m², đất tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu của ông D đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông D có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bà H, bà Ánh H và bà L có ông D là người đại diện theo ủy quyền của bà L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đều yêu cầu rút toàn bộ yêu cầu độc lập về việc yêu cầu được hưởng thừa kế mỗi người là 112.5 m², tại thửa đất 586, trong diện tích 8900 m². Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của họ và đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu mà họ đã rút theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt ông H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Xét thấy, ông H đã được Tòa án thông báo tạm nộp tiền chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản hợp lệ mà ông H không nộp tiền tạm ứng chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản phần ông H yêu cầu được hưởng là 4.519,7m², tại tách thửa 586 không vì lý do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần yêu cầu độc lập của H theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông H không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bà H, chị H, anh H, chị N và chị M (vợ và con ông M). Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bà H, chị H, anh H, chị N và chị M đã được Tòa án thông báo tạm nộp tiền án phí (Bà H được miễn tiền tạm ứng án phí và có đơn đề nghị miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật) và chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản hợp lệ mà không nộp tiền tạm ứng án phí và tiền tạm ứng chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản phần yêu cầu của mình được hưởng là 1.112,5 m², tại tách thửa 586 không vì lý do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết phần yêu cầu độc lập của họ theo quy định tại điểm c và đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H, chị H, anh H, chị N và chị M không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu của ông H yêu cầu những người cùng hàng thừa kế với ông H là ông D, bà L, bà H, bà Ánh H và bà H, chị H, anh H, chị N, M (vợ con ông M) mỗi người được hưởng 1.112,5 m² tại tách thửa 586 thì phải trả cho ông H là 25.000.000 đồng tiền chi phí nuôi cụ Đ khi già yếu. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngoài ra ông H cho rằng thửa 586 tranh chấp ranh đất với ông Đ, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông H không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh thửa 586 có tranh chấp ranh với ông Đ. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tranh chấp ranh tại thửa 586.

Xét yêu cầu phản tố của ông N yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất tại tách thửa 586 (thửa mới là 167), diện tích 2.754,7 m², tờ bản đồ số 4 (tờ bản đồ mới số 17) theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 05/02/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tam Bình, đất tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long cho ông N. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Nguồn gốc đất: Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc đất thửa 586, diện tích 8900 m², tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, hiện nay chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là di sản thừa kế của cụ H và cụ Đ để lại.

- Quá trình quản lý, sử dụng đất: Ông N canh tác đất liên tục từ năm 1975 đến nay, đã xây dựng nhà ở kiên cố và trồng cây lâu năm. Năm 1991 thì xảy ra phát sinh tranh chấp.

- Tại Chứng thực lưu trữ địa chính số: 219/CTLT-TTCNTT ngày 20/4/2009, số: 292/CTLT-TTCNTT ngày 13/5/2009, số: 293/CTLT-TTCNTT ngày 13/5/2009, số: 294/CTLT-TTCNTT ngày 13/5/2009 cùng ngày 13/5/2009 và số: 326/CTLT-TTCNTT ngày 18/3/2016 do ông D, ông N, ông H, bà L và bà H giao nộp cho Tòa án điều ghi nhận:

- Theo tư liệu đo đạc thực hiện Chỉ thị 299/TTg, ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ ghi nhận:

Thửa đất số 76, diện tích 3250 m², loại đất thổ vườn, do ông Nguyễn Trung N đăng ký trong sổ bộ địa chính.

Thửa đất số 78, diện tích 6100 m², loại đất thổ vườn, do bà Nguyễn Thị Đ kê khai trong sổ mục kê ruộng đất.

Các thửa đất tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Theo tư liệu đo đạc bản đồ giải thửa năm 1991 (Chương trình đất) ghi nhận:

Phần đất tại thửa 586, tờ bản đồ số 6, diện tích 8900 m², loại đất thổ vườn, do bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Trung N kê khai trong sổ mục kê ruộng đất, tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

- Tại các biên lai thu thuế nông nghiệp bằng tiền mặt từ năm 1977 đến năm 2008 đều do ông N làm nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước.

- Ông N đã có hộ khẩu thường trú tại phần đất tranh chấp từ năm 1975 đến nay.

- Về giá đất: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất giá đất theo đơn xác nhận giá đất theo giá thị trường tại thời điểm tranh chấp có vị trí tương đồng vào ngày 11/12/2015 là 80.000 đồng/1 m² đất trồng cây lâu năm và 170.000 đồng/1 m² đất ở nông thôn.

Từ những phân tích các tài liệu, chứng cứ nêu trên có căn cứ kết luận: Ông Nguyễn Trung N đã nhiều năm đã sử dụng liên tục, ổn định, đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, làm nghĩa vụ đầy đủ đối với Nhà nước và đã được cụ Đ cho từ khi lập gia đình năm 1975 đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 236 và Điều 649 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu phản tố của ông N về việc yêu cầu công nhận phần đất diện tích 2754,7 m², thửa 167 (thửa mới), tờ bản đồ số 17 (tờ bản đồ mới), mục đích sử dụng: Đất

ONT + CLN, đất tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long là của hộ ông N.

Công nhận phần đất diện tích 2754,7 m², thửa 167 (thửa mới), tờ bản đồ số 17 (tờ bản đồ mới), mục đích sử dụng: Đất ONT + CLN, đất tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Trung N (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 05/02/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tam Bình). Ông N có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về đất đai.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Hoàn trả lại cho ông D số tiền tạm ứng án phí là 4.450.000 đồng theo biên lai thu số N₀ 028976 ngày 16/12/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

+ Ông N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản mà mình yêu cầu trong khối tài sản chung. Xét thấy, ông N là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông N.

+ Hoàn trả cho ông N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.813.000 đồng theo biên lai thu số N₀ 0007544 ngày 02/12/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

+ Xét thấy, bà L có ông D là người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà Ánh H, bà H tại phiên tòa rút yêu cầu độc lập nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+ Xét thấy, bà H, chị H, anh H, chị N và chị M không có nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, nên không xem xét.

+ Xét thấy, ông H không có nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông H là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông H.

[5] Về chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản:

- Bà L, ông H, bà Ánh H, bà H, bà H, chị H, anh H, chị N và chị M không có nộp tiền tạm ứng chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản đối với phần tài sản mà mình yêu cầu. Nên không xem xét giải quyết.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông N chịu toàn bộ số tiền chi phí khảo sát, đo đạc và định giá là 3.212.100 đồng, ông N đã nộp xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 91, Điều 143, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 236 và Điều 649 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn D về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất tại thửa đất 586, diện tích 8900 m², đất tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Ông D có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự khi có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H, bà Ánh H và bà L có ông D là người đại diện theo ủy quyền của bà L về việc yêu cầu được hưởng thừa kế mỗi người là 112.5 m², tại thửa đất 586, trong diện tích 8900 m². Bà H, bà Ánh H và bà L có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự khi có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông H về việc yêu cầu được hưởng thừa kế của cụ Đ để lại diện tích là 4.519,7m², trong thửa 586. Ông H không có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H, chị H, anh H, chị N và chị M yêu cầu được hưởng một phần thừa kế của cụ Đ để lại là 1.112,5 m², tại thửa 586. Bà H, chị H, anh H, chị N và chị M không có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Không chấp nhận yêu cầu của ông Hưng về việc yêu cầu ông D, bà H, bà Ánh H, bà L và bà H, chị H, anh H, chị N, chị M trả cho ông mỗi đồng thừa kế được hưởng thừa kế tại thửa 586 là 25.000.000 đồng tiền chi phí nuôi cụ Đ khi già yếu.

6. Công nhận phần đất diện tích 2754,7 m², thửa 167 (thửa mới), tờ bản đồ số 17 (tờ bản đồ mới), mục đích sử dụng: Đất ONT + CLN, đất tọa lạc tại Ấp T, xã

T, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Trung N (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 05/02/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tam Bình). Ông N có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về đất đai.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Hoàn trả lại cho ông D số tiền tạm ứng án phí là 4.450.000 đồng theo biên lai thu số N₀ 028976 ngày 16/12/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

+ Miễn tiền án phí cho ông N theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Hoàn trả cho ông N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.813.000 đồng theo biên lai thu số N₀ 0007544 ngày 02/12/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

8. Về chi phí giám định đất và định giá tài sản: Ghi nhận sự tự nguyện của ông N chịu toàn bộ số tiền chi phí khảo sát, đo đạc và định giá là 3.212.100 đồng, ông N đã nộp xong.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

10. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Cảnh

